

Bản án số: 29/2023/HSST  
Ngày 25 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN TỈNH AN GIANG

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* ông Lâm Thuận Tùng

*Thẩm phán:* Ông Hoàng Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Ngân, ông Nguyễn Thanh Tân, ông Phạm Ngọc Dựng.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Châu Thị Ngọc Hạnh và bà Lê Yến Phương - thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn Hiền và ông Nguyễn Duy Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2023/TLST-HS, ngày 05 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 27/2023/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 4 năm 2023, đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Trung H**, sinh ngày: 15/10/1981 tại huyện G, tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ 2, ấp Rộc A, xã Thạnh Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: lớp 5/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không. Con ông Nguyễn Văn T1 (chết) và bà Lê Thị T2 (chết); vợ là Phạm Thị Đ, sinh năm 1975 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2022 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh An Giang cho đến nay (có mặt).

**2. Âu Thị X**, sinh ngày: 05/12/1966 tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ 10, ấp Thuận T, xã Bình S, huyện H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: lớp 2/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không. Con ông Âu Văn D1, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị B (chết); chồng là Lâm Văn D2, sinh năm 1963 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2022 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh An Giang cho đến nay (có mặt).

**3. Trần Văn N**, tên gọi khác: Bé Năm, Tám, sinh ngày: 01/01/1962 tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường: ấp Tô H, xã Núi T, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở: tổ 7, ấp Rò Leng, xã Châu L, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ văn hóa: lớp 8/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo Phật. Con ông Trần Văn Đ (chết) và bà Trần Ngọc Q (chết); vợ là: Neáng K, sinh năm 1963 (đã ly hôn). Kết hôn với Neáng M, sinh năm 1974; có 08 người con; tiền sự: không; tiền án:

+ Ngày 25/9/1999, bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù, về tội “Cướp giật tài sản của công dân” và 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội danh là 18 năm tù, chấp hành xong ngày 01/9/2009.

+ Ngày 25/4/2012, thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 19/9/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đến ngày 01/02/2019 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành xong N vụ bồi thường dân sự.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/10/2022 tại Trại tạm giam - Công an tỉnh An Giang đến nay (có mặt).

**4. Lê Văn C**, tên gọi khác: Phúc; sinh ngày: 02/3/1976 tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ 4, ấp Núi Voi, xã Núi Voi, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo Phật; con ông Lê Văn Mít, sinh năm 1932 và bà Nguyễn Thị Tím sinh năm 1944; vợ là: Nguyễn Thị Nha, sinh năm 1969, có 5 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2022 tại tạm giam - Công an tỉnh An Giang đến nay (có mặt).

- Nhân thân: ngày 05/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong bản án.

**5. Lê Văn T**, sinh ngày: 01/01/1978 tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: tổ 4, ấp Núi Voi, xã Núi V, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo Phật; con ông Lê Văn M, sinh năm 1932 và bà Nguyễn Thị T sinh năm 1944; vợ là: Phạm Thị Kim X, sinh năm 1970 và 2 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/11/2022 tại tạm giam - Công an tỉnh An Giang đến nay (có mặt).

*\* Người bào chữa:*

1. Luật sư Bùi Trần Phú T1 – Văn phòng luật sư Phú T1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: số 7, đường Hồ Hảo Hớn, khóm Đông T, phường Mỹ P, thành phố L, tỉnh An Giang, bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Nguyễn Trung H (có mặt).

2. Luật sư Phan Ngọc M thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang bào chữa cho bị cáo Âu Thị X (có mặt).

3. Luật sư Lương Tường H – Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên An Gia thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: tổ 17, khóm Vĩnh Lộc, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang, bào chữa cho bị cáo Trần Văn N bào chữa cho bị cáo Trần Văn N (có mặt).

4. Luật sư Phan Văn Được – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: 319A/16 khóm Bình Khánh 7, phường Bình K, thành phố L, tỉnh An Giang bào chữa cho bị cáo Lê Văn C (có mặt).

5. Luật sư Hồ Hoàng P – Văn phòng Luật sư Hồ Hoàng P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ số 1058 đường Trần Hưng Đạo, tổ 01, khóm Bình L, phường Mỹ B, thành phố L, tỉnh An Giang bào chữa theo yêu cầu của bị cáo Lê Văn C (có mặt).

6. Luật sư Trần Tiến V– Văn phòng luật sư Tiến Vh thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ số 26, đường Tôn Đức Thắng, phường Mỹ B, thành phố L, tỉnh An Giang, bào chữa cho bị cáo Lê Văn T (có mặt).

*\* Bị hại:*

1. Tạ Hùng C1, sinh ngày 10/02/1964 (vắng mặt).

2. Nguyễn Thị Lệ T1, sinh ngày 05/4/1963 (vắng mặt).

Cùng ngụ tại địa chỉ: Số 99, đường Trương N, khóm Châu L4, phường Châu P, thành phố C, tỉnh An Giang.

*\* Người có quyền lợi N vụ liên quan:*

1. Lâm Chí H, sinh ngày 04/4/1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 10, ấp Thuận T, xã Bình S, huyện Hòa Đ, tỉnh Kiên Giang;

2. Neáng Môm, sinh ngày 05/4/1974 (có mặt).

Địa chỉ: ấp An H, xã Châu L, huyện T, tỉnh An Giang.

3. Nguyễn Thị Kim Loan, sinh ngày 06/01/1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bông T, xã Thạnh Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

*\* Người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn H1 (H1 Nò), sinh ngày 17/9/1982 (có mặt);

Địa chỉ: Số 13, tổ 13, ấp Tường L, xã Thạnh Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh;

2. Lê Thị H2, sinh ngày 01/01/1992 (có mặt);

Địa chỉ: tổ 4, ấp N, xã N, huyện T, tỉnh An Giang;

3. Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 7, khóm Sơn Đ, thị trấn Nhà B, huyện T, tỉnh An Giang;

4. Phạm Văn S, sinh năm 1947 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 01, ấp An P, xã An L, huyện Tâm N, tỉnh Đồng Tháp;

5. Phạm Thị Đ, sinh ngày 19/3/1975 (có mặt);

Địa chỉ: số 20, tổ 02, ấp Rộc A, xã Thạnh Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh;

6. Lê Minh K (Khang), sinh ngày 23/3/1998 (có mặt);

Địa chỉ: tổ 4, ấp N, xã N, huyện T, tỉnh An Giang;

### **NHẬN THẤY**

Các bị cáo Nguyễn Trung H, Âu Thị X, Trần Văn N, Lê Văn C và Lê Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Giữa H và X làm quen với nhau qua mạng xã hội, do cả hai cùng tìm hiểu để môi giới mua bán đồng đen, đá thiên thạch, đá hủy sắt. Khoảng tháng 5/2021, H và X bàn bạc với nhau tìm người lừa bán viên đá màu đen, khối lượng khoảng 5kg của H, đổi gạt có tính năng hủy sắt. Để thực hiện, X lên mạng xã hội facebook cung cấp địa chỉ, số điện thoại người mua là ông Tạ Hùng C1 (sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Lệ T), cả hai cùng ngụ phường Châu P, thành phố C, tỉnh An Giang.

Khoảng tháng 4/2022, H lấy tên giả là Lữ Văn Hạnh, sinh năm 1978, nơi cư trú khóm 3, xã Khánh B, huyện Trần V, tỉnh Cà Mau nhờ C1 giới thiệu tìm người bán giá từ 5.000 tỷ đồng đến 6.000 tỷ đồng, sẽ cho C1 hưởng hoa hồng 5 tỷ đồng. Ngày 13/7/2022, H gặp C1 tại khu công nghiệp Phước Đông thuộc huyện G, tỉnh Tây Ninh, hẹn ngày giờ, địa điểm giao viên đá, đồng thời làm giấy ủy quyền và nhận cọc số tiền 500.000.000 đồng.

X và H rủ thêm Trần Văn N, Lê Văn T, Lê Văn C tham gia vào nhóm nhằm tạo niềm tin với ông C1. Ngày 17/7/2022, cả bốn gặp nhau, bàn bạc phân công H, N, T trực tiếp gặp vợ chồng C1, T1 thực hiện; còn X, C ở gần đó cảnh giới và tiếp ứng khi cần. Khi tiếp cận ông C1, N (đóng vai là tía của H) và T (vai em họ H) để giao nhận.

Khoảng 07 giờ ngày 18/7/2022, N, T đến quán cà phê Vân Nga thuộc tổ 07, khóm Sơn Đông, thị trấn Nhà Bàng, huyện T, tỉnh An Giang, N điện thoại kêu C1 để giao - nhận. Tin thật, C1 và Thuý đến Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu – Phòng giao dịch Châu Đ rút số tiền 500.000.000 đồng và mang theo một két sắt để trong cốp sau ô tô biển số 67A-174.20 đến địa điểm đã hẹn với N. Tại đây, C1 điện thoại cho H thống nhất đưa tiền và nhận viên đá do N, T giao, sau đó H đến thử đá và ký ủy quyền xong thì mới về. Khi hai bên để viên đá vào két sắt, T giữ chìa khóa, C1 giữ mật khẩu. Lúc này T1 còn cầm bọc tiền trên tay, N giả vờ kêu T1 đưa tiền giữ vì có người theo dõi, rồi bảo C1 chạy xe

theo hướng vào chùa Bà Mướp. N cầm bọc tiền lên xe mô tô để T chở đi. C1, T1 lên xe ô tô chạy theo nhưng không kịp, sau đó không liên lạc được với N. Sau khi chiếm đoạt được số tiền 500.000.000 đồng, H, N, X, C, T hẹn gặp nhau tại quán cà phê không tên thuộc khu vực xã Châu Lăng, huyện T, tỉnh An Giang để chia tiền, H hưởng 300.000.000 đồng, còn 200.000.000 đồng thì N, X, C, T được chia mỗi người 50.000.000 đồng.

Ngày 22/7/2022, C1, T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an - huyện T tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt 500.000.000 đồng của H và đồng bọn. Qua xác minh xác định Lữ Văn Hạnh là Nguyễn Trung H, sinh ngày 15/10/1981, nơi cư trú tổ 2, ấp Rộc A, xã Thạnh Đ, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 29/7/2022, H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang đầu thú. Lần lượt các ngày 08/8/2022, 02/11/2022, 24/11/2022 H, N, X, T, C bị khởi tố điều tra.

\* Vật chứng thu giữ: 09 điện thoại di động; 01 vật thể rắn, màu đen, đường kính 31cm, chiều dài 15cm, rộng 12cm, dày 08cm, khối lượng 5878,5gam; 01 tấm vải màu cam; 01 kết sắt; 100.000.000 đồng và các vật dụng có liên quan.

\* Căn cứ Bản Kết luận giám định số 7679/KL-KTHS ngày 17/11/2022 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

- Mẫu vật thể rắn màu đen gửi giám định có tổng khối lượng 5878,5 gam gồm các phần: phần lõi trong cũng là kim loại chì (Pb), hàm lượng chì là 98,48%; phần bọc ngoài lớp kim loại là hỗn hợp nhựa alkyd và nhựa gốc cyanoacrylate; lớp màu đen bóng ngoài cùng là sơn gốc alkyd. Không có tính năng hủy sắt.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKSAG-P2 ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trung H, Trần Văn N, Âu Thị X, Lê Văn C và Lê Văn T về tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra các bị cáo H, N, X và C khai nhận hành vi phạm tội; tại phiên tòa, qua xét hỏi bị cáo T nhận tội; các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Tạ Hùng C1, Nguyễn Thị Lệ T1 đã nhận lại số tiền 500.000.000 đồng. Đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Người có quyền lợi N vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim Loan (chị ruột bị cáo H) xác định đã thay H giao trả số tiền 500.000.000 đồng cho bị hại. Tại

phiên tòa, bà yêu cầu nhận lại 100.000.000 đồng do bị cáo X và N giao nộp hiện do Cơ quan điều tra giữ. Đồng thời yêu cầu C và T mỗi bị cáo trả lại cho bà 50.000.000 đồng. Đối với bị cáo H bà không yêu cầu.

- Người có quyền lợi N vụ liên quan: Bà Neáng Môm (vợ bị cáo N) đồng ý nộp thay N 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Đối với chiếc mô tô Honda Future X, màu đỏ xám bạc, biển số 67N1-496.88 là phương tiện làm ăn của gia đình nên yêu cầu nhận lại.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, vai trò tham gia trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Đối với bị cáo H và bị cáo N áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, (bị cáo N thêm điểm h) khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự mức hình phạt từ 12 đến 14 năm tù.

Đối với bị cáo X, bị cáo C và bị cáo T áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; điểm s, (bị cáo X thêm điểm b) khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 ; Điều 38 Bộ luật hình sự mức hình phạt mỗi bị cáo từ 10 đến 12 năm tù. Không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

Các biện pháp tư pháp: Về trách nhiệm dân sự đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật dân sự trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 100.000.000 đồng do bị cáo X và bị cáo N giao nộp trong giai đoạn điều tra; buộc C và T mỗi bị cáo trả lại cho bà Loan số tiền 50.000.000 đồng. Vật chứng vụ án đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị hại 01 kết sắt; trả lại cho bị cáo N và bị cáo C xe mô tô cùng giấy chứng nhận xe; trả lại cho các bị cáo những giấy tờ tùy thân; tịch thu phát mãi sung công quỹ Nhà nước các tài sản dùng vào việc thực hiện tội phạm và tịch thu tiêu hủy vật chứng không giá trị sử dụng.

Phát biểu của Luật sư:

- Luật sư Bùi Trần Phú T1 bào chữa (theo yêu cầu) cho bị cáo H thống nhất tội danh cáo trạng truy tố. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của H cùng các đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội tuy bị truy tố theo khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự nhưng chỉ vừa đúng ngay mức khởi điểm tăng nặng định khung hình phạt và điều luật cũng không giới hạn mức tối đa, do vậy tính nguy hiểm cho xã hội cũng có phần nào hạn chế. Quá trình điều tra chỉ

ruột bị cáo là bà Nguyễn Thị Kim L bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, bị cáo H thật thà khai báo, hợp tác với Cơ quan điều tra giúp việc điều tra thuận lợi, nhanh chóng và tại phiên tòa tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo còn có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác như nhân thân tốt, là lao động chính trong gia đình nuôi mẹ già và 2 con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc xử bị cáo mức án đầu khung hình phạt cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Luật sư Phan Ngọc M bào chữa cho bị cáo X thống nhất tội danh và khung hình phạt cáo trạng truy tố X theo điểm a, khoản 4, Điều 174 Bộ luật hình sự. Bị cáo phạm tội vai trò đồng phạm giúp sức như truy cập mạng tìm kiếm thông tin cung cấp cho đồng bọn. Về tình tiết giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo phạm mức khởi điểm của khung hình phạt. Sau khi sự việc khởi tố, gia đình bị cáo X tích cực giao nộp số tiền 50.000.000 đồng khắc phục hậu quả và bị cáo thành khẩn khai báo trong giai đoạn điều và tỏ rõ ăn năn hối cải. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử có thể xử mức thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng cải tạo đối với bị cáo.

- Luật sư Lương Tường H bào chữa cho bị cáo N thống nhất tội danh cáo trạng truy tố. Bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo tham gia với vai trò giúp sức. Mặc dù phạm tội với hai tình tiết tăng nặng, tuy nhiên bị cáo cũng có hai tình tiết giảm nhẹ là khắc phục hậu quả và thật thà khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt. Hiện tuổi tác bị cáo đã cao, cơ thể mang nhiều bệnh tật, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cH cố giảm nhẹ cho bị cáo hưởng mức án đầu khung hình phạt cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Đồng thời, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo chiếc xe mô tô là phương tiện kiếm sống của gia đình.

- Luật sư Hồ Hoàng P bào chữa (theo yêu cầu) cho bị cáo C thống nhất tội danh cáo trạng truy tố và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bản thân bị cáo C không biết chữ, xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo và là lao động chính trong gia đình. Từ khi bị bắt đã nhận thức sai trái và ăn năn hối hận nên đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư Phan Văn Đ bào chữa cho bị cáo C thống nhất tội danh cáo trạng truy tố và phần bào chữa của luật sư Phụng. Khi phạm tội, bị cáo chỉ giữ vai trò đồng phạm với nhiệm vụ cảnh giới và không thực hiện bất cứ vai trò nào

mang tính quyết định. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xem xét trả lại cho bị cáo tài sản là chiếc xe mô tô và giấy tờ tùy thân.

- Luật sư Trần Tiến V bào chữa cho bị cáo T thống nhất tội danh, khung hình phạt cáo trạng truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải. Nghề nghiệp bị cáo chạy xe ôm nên cuộc sống hết sức khó khăn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm cH cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trong vụ án còn có anh ruột là bị cáo C cùng bị xét xử, đây là điều hết sức đáng buồn cho gia đình bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo.

Nói lời sau cùng, cả năm bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt; xin nhận lại các giấy tờ tùy thân và xe mô tô là phương tiện đi lại và kiếm sống của gia đình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc kH nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa bị hại, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

#### **[2] Về nội dung:**

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu



chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Các bị cáo Nguyễn Trung H, Trần Văn N, Âu Thị X, Lê Văn C và Lê Văn T có hành vi dùng kim loại tạo hình cục đá, dôi gọt có tính năng hủy sắt để lừa bán cho ông Tạ Hùng C1, bà Nguyễn Thị Lệ T1 chiếm đoạt số tiền 500.000.000 đồng chia nhau tiêu xài. Trong đó, H hưởng 300.000.000 đồng; X, N, C, T mỗi bị cáo hưởng 50.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Trung H, Trần Văn N, Âu Thị X, Lê Văn C và Lê Văn T đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 điều 174 Bộ Luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố các bị cáo theo tội danh trên là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản người khác. Hậu quả việc làm của các bị cáo đã ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Mặt khác, địa bàn các bị cáo thực hiện tội phạm là huyện (nay là thị xã) biên giới, với nhiều danh thắng chùa chiền làm ảnh hưởng đến hoạt động du lịch tâm linh. Vì vậy, cần thiết xử các bị cáo hình phạt nghiêm có tác dụng cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, vai trò của bị cáo H là người chủ mưu nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; các bị cáo X, N, C, T là đồng phạm trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà mình đã gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội có tổ chức” theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo N có 02 tiền án chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã vận động gia đình tự nguyện nộp khắc phục số tiền cho bị hại; bị hại có văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo H sau khi phạm tội ra đầu thú là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Các Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phạt các bị cáo mức thấp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, buộc các bị cáo phải chấp

hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo các bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt nhận thấy: Các bị cáo X, C, T được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ và tham gia vai trò đồng phạm nên cần quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã gây ra nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo là lao động chính, điều kiện hoàn cảnh kinh tế hiện còn nhiều khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường; người có quyền lợi nghi vụ liên quan bà Neáng Môm tự nguyện giao nộp 10.000.000 đồng thay cho bị cáo N, không yêu cầu N bồi thường; Lâm Chí H tự nguyện nộp 50.000.000 đồng thay cho bị cáo X để khắc phục hậu quả, không yêu cầu X bồi thường.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim Loan yêu cầu được nhận số tiền 100.000.000 đồng do bị cáo X, N nộp tại Cơ quan điều tra. Đồng thời bà Loan yêu cầu bị cáo C, bị cáo T trả lại tiền cho bà. Xét thấy, bị hại đã nhận đủ tài sản bị chiếm đoạt nên số tiền 100.000.000 đồng giao trả lại cho bà Loan là phù hợp. Đồng thời buộc C và T mỗi bị cáo có trách nhiệm nộp trả cho bà Loan số tiền 50.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang đã xử lý, trả lại tài sản cho bị hại. Vật chứng còn lại gồm tiền mặt 100.000.000 đồng; kết sắt; 02 xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký; giấy phép lái xe mang tên các bị cáo; điện thoại di động; giấy chứng minh nhân dân; thẻ bảo hiểm y tế; sim điện thoại, nón bảo hiểm, các đoạn sắt. Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Vật chứng được phân loại và xử lý như sau: Trả lại cho bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan tiền, vật không liên quan tội phạm; tịch thu vật chứng là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị hoặc không sử dụng được.

[8] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trung H, Âu Thị X, Trần Văn N, Lê Văn C, Lê Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2022.

Căn cứ điểm a, khoản 4 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn N, 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/10/2022.

Căn cứ điểm a, khoản 4 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1, Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Âu Thị X 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn C, 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Văn T 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/11/2022.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự: Buộc Lê Văn C và Lê Văn T mỗi bị cáo có trách nhiệm nộp trả cho bà Nguyễn Thị Kim Loan số tiền 50.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Trả lại cho bị hại ông Tạ Hùng C1, bà Nguyễn Thị Lệ T1 01 (một) két sắt model 31E, kích thước ngoài H310, W430, D380; kích thước trong H165, W320, D250. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) túi niêm phong được dán kín và niêm phong bởi giấy niêm phong có dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự Bộ Công an và chữ ký ghi họ tên của Lê Văn Huân, Dương Tư Thường; 01 (một) tấm vải màu cam, trên tấm vải có nhiều hình vẽ

màu đen, kích thước (43 x 45)cm; 01 (một) hộp nhựa có nắp viền màu xanh, kích thước (19 x 14 x 7)cm; 01 (một) thanh kim loại dài 19,5cm; 01 (một) gói niêm phong màu trắng, có chữ ký và ghi tên Nguyễn Trung H; 04 (bốn) miếng giấy nhám, đã qua sử dụng; 06 (sáu) đoạn kim loại hình trụ tròn, thân có gai dạng gần xiên; 13 (mười ba) đoạn hình trụ tròn màu đen, thân có gai dạng gần xiên; 01 (một) bọc nylon màu trắng bên trong có 04 đoạn hình trụ màu đen và 01 viên kim loại tròn màu trắng; 01 (một) bọc nylon màu trắng bên trong có 05 viên kim loại tròn màu trắng; 01 (một) bọc nylon màu trắng bên trong có 01 cục giấy màu trắng; 01 (một) bọc nylon màu trắng bên trong có 02 miếng nhựa màu trắng có tính năng hút như nam châm và 04 thẻ sim điện thoại Vinaphone, trên thẻ sim có số 898402000-11199800366; 898402000-11283132429; 01 (một) thẻ sim điện thoại Mobifone, trên thẻ sim có 8401201192133834; 01 (một) ví da có hai ngăn kéo. Tịch thu phát mãi sung công quỹ 09 điện thoại di động các loại.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn N (do bà Néang Môm đại diện nhận) 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future X, màu đỏ xám bạc, biển số 67N1 – 496.88, số khung: 350XAY006185, số máy: JC45E0032493, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 052025, mang tên Trần Văn N, biển số đăng ký 67N1 – 496.88.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn C 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Future Neo, màu đỏ đen bạc, biển số 67N1 – 173.49; số khung: RLHJC35069Y410175, số máy: JC35E3020034, đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 029943, mang tên Lê Minh K, biển số đăng ký 67N1 – 173.49, do Công an huyện T, tỉnh An Giang cấp ngày 16/10/2016; 01 (một) giấy phép lái xe số 910207041075, mang tên Lê Văn C, cấp ngày 20/01/2020; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 351123647, mang tên Lê Văn C, cấp ngày 11/4/2019.

- Trả lại cho bị cáo Âu Thị X 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 371944235; 01 (một) thẻ bảo hiểm y tế số 4919122098836.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T 01 (một) căn cước công dân số 089078021736, cấp ngày 16/03/2022; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số AM 052901, cấp ngày 04/03/2010.

Bà Nguyễn Thị Kim Loan được nhận số tiền 100.000.000đ tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 4 năm 2023 hiện do Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang quản lý.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Trung H, Âu Thị X, Trần Văn N, Lê Văn C, Lê Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo Lê Văn C, Lê Văn T mỗi bị cáo nộp 2.500.000 đồng án phí dân sự trong hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi N vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (2);
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra (1);
- Phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra (1);
- Phòng lưu trữ hồ sơ - Công an tỉnh (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh (1);
- Sở Tư pháp tỉnh (1);
- Trại tạm giam (1);
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án (1);
- Văn phòng (2);
- Bị cáo (5);
- Bị hại (2)
- Lưu Tòa; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lâm Thuận Tùng**